

LÝ HUỆ TÔNG (1210-1224)

Húy là Sảm, con trưởng của Cao Tông, mẹ là hoàng hậu họ Đàm, sinh tháng 7 năm Giáp Dần (1194), năm Mậu Thìn, Trị Bình Long Ứng thứ 4(1208), tháng giêng sách lập hoàng thái tử.

Huệ Tông bèn lên ngôi báu, ở ngôi 14 năm (1211-1224) truyền ngôi cho Chiêu Hoàng, sau bị Trần Thủ Độ giết thọ 33 tuổi (1194-1226). Vua gặp buổi loạn lạc, giặc cướp tứ tung, mình bị bệnh nặng, không biết sớm cầu con nối, họ Lý bèn mất.

Thái tử Sảm lên ngôi lúc 16 tuổi, niên hiệu là Kiến Gia

Khi đi lánh nạn, Thái tử Sảm gặp Trần Thị Dung là một người con gái đẹp của nhà Trần Lý, bèn lấy làm vợ, phong cho Trần Lý tước Minh Tả.

Sau khi dẹp yên cuộc đảo chính, Huệ Tông trở về triều, Trần Thị Dung, vợ Huệ Tông, ở lại Lưu Gia. Huệ Tông cho thuyền đón vợ về phong làm Nguyên Phi, cho anh vợ là Trần Tự Khánh, Trần Thừa, cả hai về sau được phong lên làm thái úy cai quản cả triều đình, mọi việc đều giao cho thái úy, còn vua thì mắc bệnh hiểm nghèo, suốt ngày ở trong cung cấm.

Năm 1212, Đoàn Thượng cùng vú nuôi với vua Huệ Tông, nổi lên làm loạn.

Đến năm 1217, quân Chiêm Thành xâm lấn Nghệ An. rồi đến giặc Nguyễn Nộn – Nguyễn Nộn là cư sĩ chùa vì bắt được vàng mà không nộp cho vua nên bị làm tội sau được tha rồi mưu phản.

Vua Huệ Tông bị bệnh tâm thân phân liệt thường nổi điên cởi áo quần chạy la hét, nói năng nhảm nhí, uống rượu rồi say ngủ li bì.

Tháng 10 năm Giáp thân (1224) Vì không có con trai nối ngôi bèn tôn thứ nữ là Chiêu Thánh công chúa làm vua Lý Chiêu Hoàng. Vua xuất gia ở chùa Chân Giáo trong đại nội.

LÝ CHIÊU HOÀNG (1224-1225)

Trước tên húy là Phật Kim, sau đổi là Thiên Hình, con gái thứ của Huệ Tông. Huệ Tông không có con trai nối, lập hoàng thái tử để truyền ngôi, ở ngôi đượ 2 năm (1224-1225) rồi nhường ngôi cho họ Trần.

Trần Thủ Độ là em họ của hoàng hậu Trần Thị Dung, vợ vua Huệ Tông, được cho làm Chỉ huy sứ coi sóc việc trong nội cung quản lĩnh quân điện tiền hộ vệ cấm đình, nhân đó mà đưa các cháu mình là : Cặp, Thiêm, Cảnh vào để cho Chiêu Hoàng sai vặt.

Tuổi của Trần Cảnh và Chiêu Hoàng xấp xỉ nhau cho nên bọn trẻ rất dễ kết bạn với nhau. Lúc bấy giờ Chiêu Hoàng mới 7 tuổi và Trần Cảnh chỉ 8 tuổi.

Trần Cảnh một hôm được giao việc bưng nước rửa cho Chiêu Hoàng, Chiêu Hoàng trông thấy lấy làm ưa, mỗi khi chơi đêm cho gọi Cảnh đến cùng chơi, thấy

Cảnh ở chỗ tối thì đến trêu chọc, hoặc nắm lấy tóc, hoặc đứng lên bóng. Có một hôm Cảnh bưng chậu nước đứng hầu, Chiêu Hoàng rửa mặt lấy tay vốc nước té ướt cả mặt Cảnh rồi trêu, đến khi Cảnh bưng khay trầu thì lấy khăn ném cho Cảnh, Cảnh không dám nói gì về nói găm với Trần Thủ Độ. Thủ Độ nói : "Nếu thực như thế thì họ ta thanh hoàng tộc hay diệt tộc đây "

Lại một hôm Chiêu Hoàng lấy khay trầu ném cho Trần Cảnh, Cảnh lạy rồi nói : "Bệ hạ có tha tội cho thần không ? Thần xin vâng mệnh " Chiêu Hoàng cười và nói : "Tha tội cho người, nay người đã biết nói khôn đó " Cảnh lại về nói với Thủ Độ, Thủ Độ sợ việc này tiết lộ thì rất nguy hiểm, bấy giờ mới đem hết gia thuộc thân thích vào trong cung cấm, đóng cửa thành và các cửa cung, sai người coi giữ, các quan vào châu không được vào. Thủ Độ loan báo rằng " Bệ hạ đã có chông rồi", Các quan đều vâng lời, xin chọn ngày vào châu.

Ngày 21 tháng 10 năm Ất Dậu (1125) các quan vào châu lạy mừng. Chiêu Hoàng xuống chiếu cho biết mình đã kết hôn với Trần Cảnh.

Lễ Truyền Ngôi cho chồng là Trần Cảnh được tổ chức ở điện Thiên An vào ngày 11/12 ất Dậu (1225). Vua mới là Trần Cảnh xuống chiếu đại xá thiên hạ và phong Thủ Độ là Quốc Thượng Phụ

Triều đại nhà Lý truyền ngôi 9 đời vua, tổng cộng là 218 năm, bắt đầu từ Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) kết thúc là Lý Chiêu Hoàng.

Trần Cảnh nhận truyền vị của Lý Chiêu Hoàng, lên ngôi hoàng đế là Trần Thái Tông, đổi niên hiệu là Kiến Trung (1225)

TRẦN THÁI TÔNG (1225-1258)

Họ Trần tên húy là Cảnh, trước húy là Bồ, làm Chi hậu chính triều Lý, được Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm (1226-1258), nhường ngôi 19 năm, thọ 60 tuổi (1218-1277) băng ở cung Vạn Thọ, táng ở Chiêu Lăng. Vua khoan nhân đại độ, có lượng đế vương cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy. song quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm và chốn buông the cũng có nhiều điều hổ thẹn.

Tổ tiên của vua là người đất Mân (có người gọi là Quế Lâm) có người tên Kinh đến ở hương Tức Mặc phủ Thiên Trường sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Ly, Ly sinh ra Thừa, đời đời làm nghề đánh cá,

Trần Cảnh tức là vua Trần Thái Tông là con thứ của Thừa, mẹ vua họ Lê, vua sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu dân, khi mới 8 tuổi đượ làm chi hậu chính chi ứng cục triều Lý. Vì có chú họ là Trần Thủ Độ làm Điện tiền chỉ huy sứ nên Trần Cảnh được vào hầu trong cung, Chiêu Hoàng thấy thì ưa, Thủ độ âm mưu gả Chiêu Hoàng cho Trần Cảnh để đoạt ngôi nhà Lý.

Năm 1226 phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chính thảo sự, phế Thượng hoàng Huệ Tông, gọi Huệ Tông là đại sư Huệ Quang, cho ra ở chùa Chân Giáo, mùa thu tháng 8 ngày 10 Trần thủ Độ giết chết Lý Huệ Tông

Trước đó có lần Huệ Tông ra chơi ở chợ Đông, dân chúng tranh nhau đến xem, có người thương khóc, Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ sinh biến loạn.

Có lần Thủ Độ đi qua trước cửa chùa thấy Huệ Tông ngồi xồm nhỏ cỏ, Thủ Độ nói : " Nhỏ cò thì phải nhỏ cả rễ sâu "

Huệ Tông đứng dậy phủ tay nói " Điều người nói ta đã hiểu rồi "

Đến nay sai người mang hương hoa đến bảo Huệ Tông " thượng phụ sai thần đến... "

Thượng hoàng nhà Lý nói "Ta tụng kinh xong sẽ tự tử "

Nói rồi vào buồng ngủ khẩn rằng : " Thiên hạ nhà ta đã về tay người, người lại còn giết ta, đến khi khác con cháu người cũng sẽ bị như thế "

Bè thất cổ tự tử ở vườn sau chùa

Trần Thái hậu tức Trần Thị Dung, vợ Huệ Tông, bị giáng xuống làm Thiên Cực công chúa và gả cho Trần Thủ Độ. về sau được tôn là Linh Từ Quốc Mẫu, Bà ta là chị họ của Trần thủ Độ, nay em lấy chị, khởi đầu cuộc loạn luân dưới triều Trần.

Trong mười năm đầu trên ngôi (1225 - 1235) thì mọi sự trong nước đều do Trần Thủ Độ coi sóc, vì vua còn nhỏ.

Thủ Độ cho phát hành tiền Tĩnh Bách vào năm 1226, cho Phùng Tá Chu được phép ban tước từ tá chức trở xuống.

Năm 1227, đơn từ văn tự phải lăn tay vào nửa tờ giấy để làm bằng. Hàng năm tổ chức hội uống máu ăn thề ở chái Đồng Cổ.

Năm 1230, đặt ty Bình Bạc để xét việc kiện tụng ở kinh thành.

Năm 1230, khảo xét các luật lệ triều trước soạn thành "Quốc triều thống chế" và sửa đổi hình luật, lễ nghi gồm 20 quyển. Chép công việc của quốc triều làm Bộ "Quốc triều thường lễ" gồm 10 quyển. Đây là hai bộ sách cổ nhất của nước ta.

Năm 1232, mở khoa thi thái học sinh : Đổ đệ nhất giáp là Trương Hạnh và Lưu Diễm; Đệ nhị giáp là : Đặng Diễn, Trình Phấn; Đệ tam giáp là Trần Chu Phổ. Mùa hạ tháng sáu, ban bố các chữ quốc hứ và miếu hứ

Vào tháng 8 năm 1232, nhân Tôn thất nhà Lý làm lễ tế các vua Lý ở thôn Thái Đường làng Hoa Lâm, Thủ Độ ngầm đào hố sâu, làm nhà bên trên, đợi khi mọi người uống rượu say, giật máy chôn sống hết.

Hai năm sau, 1234 mùa thu tháng 8, thượng hoàng là Trần Thừa chết, táng ở Thọ Lăng.

Tôn Trần Liễu là anh ruột của vua làm Hiển Hoàng

Năm 1237 Thái tông hoàng đế Trần Cảnh lấy chị dâu của mình là vợ Trần Liễu.

Vua Huệ Tông có hai công chúa, một là Thuận Thiên gả cho Trần Liễu anh của vua, hai là Chiêu Hoàng được truyền ngôi, lấy Trần Cảnh và truyền ngôi lại cho chồng. Bấy giờ Chiêu Hoàng không có con mà Thuận Thiên vợ Trần Liễu lại đang

mang thai, Trần thủ Độ với vợ là Trần thị Dung (bà nay là vợ củ của vua Huệ Tông và là chị họ của Trần thủ Độ có tên là công chúa Thiên Cực) bàn kín với Trần Cảnh nên mạo nhận lấy để làm chỗ dựa về sau, Trần Liễu rất bất bình trước cảnh em ruột mình cướp vợ của mình nên đem quân ra sông Cái làm loạn, Trần Cảnh áy náy về chuyện này, ban đêm ra khỏi kinh thành đến chỗ quốc sư Phù Vân là bạn củ ở trên núi Yên Tử rồi ở lại đó không về, Trần thủ Độ dẫn các quan đến mời vua về kinh sư nhưng vua từ chối, về sau Phù Vân phải khuyên vua trở về kinh đô

Trần Liễu thế yếu, dùng thuyền độc mộc, giả làm người đánh cá đến chỗ vua xin hàng, lúc ấy vua đang ở trên thuyền, anh em nhìn nhau khóc, Thủ Độ nghe tin đến thẳng thuyền vua, rút gươm thét lớn ; " Giết thẳng giặc Liễu ".Vua giải hòa và bảo Thủ độ rút quân về. Trần Cảnh lấy đất Yên cho Trần Liễu, giết hết binh lính làm loạn đã đi theo Liễu, từ đó Trần Liễu có tên gọi là Yên Sinh Vương

Năm 1230, trong thành dựng cung điện, lầu, các và nhà tang vũ ở hai phía đông tây, bên tả là cung Thánh từ, bên hữu cung Quan Triều.

Năm 1231, đào vét kênh Trầm và kênh Hào từ phủ Thạch Hóa đến Diển Châu.

Năm 1228, xem xét sổ đình tỉnh Thanh Hóa.

Năm 1227, mở khoa thi tam giáo tử (Nho Lão Phật)

Tháng 8/1231, xuống chiếu sửa đình chùa hư hao và đắp tượng Phật để thờ. Thập kỷ (1236-1246) có nhiều thay đổi trong thời Trần Thái Tông.

5 sự kiện loạn luân trong giòng họ nhà Trần :

Một là Trần Thủ Độ lấy chị họ mình là Trần Thị Dung đang là hoàng hậu, vợ vua Lý Huệ Tông.

Hai là Trần Cảnh (vua Trần Thái Tông) lấy chị dâu mình tức là vợ Trần Liễu,

Ba là Trần Hưng Đạo ban đêm lẻn vào chỗ ở của cô ruột mình là công chúa Thiên Thành và thông dâm với nàng, sau lấy công chúa làm vợ.

Bốn là Trần Liễu khi vào chầu vua, đi ngang trong cung gặp một người phi cũ của triều Lý, họ Trần liền cưỡng dâm cô ta.

Năm là Trần Khánh Dư cưỡng dâm con dâu của Trần Hưng Đạo là công chúa.

Việc vợ chồng, trai gái, quan hệ tình dục, hiếp dâm trong triều đại nhà Trần thật là quái đản trái với đạo lý. Cũng vì chuyện loạn luân này mà anh em sinh ra đánh nhau, giết nhau.

Trần Thủ Độ là người có tài trị nước an dân tuyệt vời - ông ta có những quyết định cải cách thuế khóa như thuế ruộng đất.

Năm 1242, phân chia từng loại tuổi trong dân để định việc tuyển quân ; tổ chức các cuộc sát hạch các quan văn võ để chọn nhân tài vào các năm 1241, 1246...

Năm Tân Sửu (1241), vua thân hành cầm quân đi đánh các trại Vĩnh an Vĩnh bình của nước Tống, phía đường bộ vượt qua châu Khâm và châu Liêm, tự xưng là Trai Lang, bỏ thuyền lớn ở trong cũi chỉ đi bằng thuyền nhỏ như chiếc Kim phụng, Nhật quang, Nguyệt Quang, người các châu ấy không biết là vua, đều sợ hãi chạy trốn, đến khi biết vua mới chằng dây xích trên sông để chặn sự tiến công bằng đường thủy, sau khi thắng trận trở về Thái Tông cho nhổ lấy vài chục cái neo sắt đem về

Năm 1242 chia nước thành 12 lộ, dưới lộ là xã, sách... cất đặt quan chức an phủ, trấn phủ, chánh phó, có xã chính, xã sử, xã giam gọi chung là xã quan. Lần đầu tiên nước ta có quan văn điều hành việc hành chính, văn hóa bên cạnh quan võ chứ trước đó thì đứng đầu mỗi bộ, châu là quan võ mà thôi. Quan văn chức là AN, võ chức là TRẤN. Đời nhà Trần việc chính trị được coi trọng ngang hàng với quân sự. Làm đơn số hộ khẩu, con trai lớn gọi là Đại hoàng nam, nhỏ thì gọi Tiểu hoàng nam, 60 tuổi gọi là Già, già lắm gọi là Long lão, cũng năm ấy có hạn hán, vua sai soát tù và ra lệnh đại xá

Năm 1243 tháng 2 đắp thành nội gọi là thành Long Phượng, cho tu sửa lại Quốc Tử Giám, tháng 8 lụt vỡ thành Đại La.

Tháng tư năm 1240, hạn hán.

Tháng tám (1245) nước to vỡ đê Thanh Đàm

Tháng 3 năm 1248, đắp đê quai vạc để chống lụt, ngăn nước lũ tràn ngập.

Mùa thu năm 1246, định lệ thi tiến sĩ 7 năm, 1 lần.

Qua năm 1247, tổ chức kỳ thi vào mùa xuân. ban cho Nguyễn Hiền đỗ trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La đỗ thám hoa, 48 người đỗ Thái học sinh xuất thân thứ bậc khác nhau. Trước đây, hai khóa năm Nhâm Thìn 1232 và 1239 chỉ chia ra Giáp, Ất chưa đặt ra lệ tam khôi, đến khoa này mới đặt ra tam khôi : (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa). Tháng 8 cho tổ chức thi khoa thông Tam Giáo, Ngô Tần người Trà Lộ đỗ Giáp Khoa, Đào Diễn, Hoàng Hoa, Đỗ vị Phủ đỗ Ất khoa

Năm 1248 Sai các nhà phong thủy đi khắp núi sông cả nước, chỗ nào có vượng khí để vương thì dùng phép thuật để trấn yểm như việc đào sông Bà, Lễ (sông Mã và sông Chu) đục núi Chiêu Bạc ở Thanh Hóa...

Mùa Xuân tháng giêng năm 1249 trùng tu lại chùa Diên Hựu, xuống chiếu vẫn làm trên nền cũ

Năm Tân Hợi 1251 vua tự tay viết bài Minh ban cho các hoàng tử dạy về trung, hiếu, hòa, tống, ôn, lương, cung, kiệm. Tháng giêng đầu xuân vua cho mở hội chợ 7 ngày đêm bày các tranh về lễ kết tóc và nhiều trò chơi cho người trong triều ngoài nội đến xem, ý muốn cho toàn dân biết vua sắp gả công chúa trưởng là Thiên Thành cho Trung Thành Vương. Đó là hoạt động văn nghệ triển lãm tranh đầu tiên của nước ta.

Trước đó vua cho công chúa Thiên Thành đến ở trong dinh Nhân Đạo vương, Trần Hưng Đạo muốn lấy công chúa Thiên Thành nhưng không làm sao được, mới nhân ban đêm lẻn vào chỗ ở của công chúa và thông dâm với nàng

Công chúa Thụy Bà là chị ruột của vua cũng là cô ruột của Hưng Đạo đến tâu với vua : " Không ngờ Hưng Đạo công cuồng càn rỡ, đang đêm lẻn vào chỗ Thiên Thành, Nhân Đạo Vương đã bắt hấn rồi, e sẽ bị hại, xin bệ hạ rủ lòng thương cho người đến cứu ".... sau sự việc đã rồi vua bắt đắc dĩ phải gả công chúa Thiên Thành cho Trần Hưng Đạo và lấy 2000 khoảnh ruộng ở phủ Ứng Thiên để hoàn lại sinh vật cho Trung Thành Vương

Cũng năm này, đại hội quý tộc trên bờ sông Ô Môn đã đưa Mông Kha lên ngôi Hãn ở Trung Nguyên, em Mông Kha là Hốt Tất Liệt được lệnh đánh Vân Nam, Đại Lý và Đại Việt.

Năm 1252 Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu thường đem thuyền nhẹ đến cướp bóc dân cư ven biển lại đòi xin lại đất cũ. Vua giận đem quân đi đánh cho Nhật Hiệu làm lưu thủ, mùa đông tháng 12 bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bô Da La và nhiều thần thiếp dân binh rồi về. Vua lại cho lập giảng võ đường, cho một các nhà học giả trong nước đến quốc tử viện để giảng tứ thư ngũ kinh.

Năm Ất Mão 1255, sai Lưu Miễn bồi đắp đê sông các xứ ở Thanh Hóa, đặt quan coi đê gọi là Hà đê Chánh phó sứ các lộ.

Tháng 6/1254, bán ruộng công, cho phép nhân dân mua làm ruộng tư.

Năm 1256 vét sông Tô Lịch, mở khoa thi : Quốc Lặc đỗ trạng nguyên, Chu Hinh đỗ bảng nhãn và Trần Uyên đỗ Thám hoa.

Từ năm 1251 quân Mông Cổ từ từ thôn tính cả Trung Nguyên, đến năm 1257 mùa thu tháng 8 chủ trại Quy Hóa là Hà Khuất chạy trạm tâu vua là có sứ Nguyên sang để tỏ rõ ý chí kiên quyết của mình, vua Trần không chút kiêng sợ đã ra lệnh tổng giam tất cả các sứ Mông Cổ. Tháng 9 lệnh truyền tả hữu tướng đem quân thủy bộ ra ngăn giữ biên giới theo sự tiết chế của Trần Hưng Đạo, tháng 11 truyền cả nước sắm sửa vũ khí. Tướng Mông Cổ là Thi Yangga Dai (Ngột Lương Hợp Đài) tiến quân đóng ở A Mân phía bắc biên giới Đại Việt, chờ mãi không thấy sứ trở về liền quyết định xâm lược bằng quân sự, y sai Ca Ca Du và một tên tướng khác mỗi tên đem 1000 quân chia làm hai đường dọc theo sông Thao tiến xuống, tướng Aju con của Ngột Lương được phái đi tiếp viện cho đạo quân đi trước, gặp quân ta rất đông đã dàn trận sẵn sàng bèn báo tin cho cha.

Mùa thu tháng 7 năm 1256 Vũ thành vương Doãn đem cả nhà trốn sang Tống. Doãn là con Yên sinh Vương Trần Liễu và công chúa Thuận Thiên, sau Thuận Thiên lấy em trai của Trần Liễu là Trần Cảnh, nên Doãn gọi vua bằng chú ruột, Doãn cũng là anh em cùng mẹ khác cha với Thái tử Hỏang sau này là vua Trần Thánh Tông

Đầu tháng 12 năm Đinh Tỵ hai đạo quân Nguyên gặp nhau ở Việt Trì sau khi đi dọc theo sông chảy qua phù Kinh đến ngã ba sông Bạch Hạc ngày 12-12 Đinh Tỵ (17-1-1258).

Ngột Lương đã đến Bình Lê Nguyên, đó là một vùng nằm trong nhánh sông Cà Lồ (Cà-giang) Bình Xuyên (tỉnh Vĩnh Phú) bên này sông vua cho bày thế trận đội giặc, quân lính ngựa voi san sát, bên kia sông Ngột Lương vạch kế hoạch tấn công cho Triệt Triệt Đô như sau : "Quân người khi đã sang sông đừng đánh chúng vội, chúng tất đến đánh ta, phò mã Hoài Đô theo sau cất hậu quân của chúng người rình lấy cướp thuyền, quân Nam nếu tan vỡ chạy ra sông không có thuyền tất bị ta bắt". Triệt Triệt Đô theo hạ lưu sang sông đánh nhau với quân nhà Trần, vua Thái Tông xông lên phía trước đốc thúc quan quân đánh giặc. Thế yếu dần lui quân ở Cự Bản - Tướng Lê Tần hiên ngang cỡi ngựa điềm nhiên vào trận giặc phò vua về thuyền, giặc thấy lấy tên bản - Tần lấy ván gõ thuyền che cho vua khỏi trúng tên.

Thuyền quân ta xuôi về Phù Lỗ để giữ nguyên được dân binh khỏi thương tổn và hao mòn khí giới. Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền Thái úy Nhật Hiệu hỏi kế sách chống giặc, Nhật Hiệu đang dựa mạn thuyền cứ ngồi chứ không đứng dậy nổi, chỉ lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ "nhập Tống" lên mạn thuyền. Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu ? là quân do Nhật Hiệu chỉ huy Hiệu bảo : "Không gọi được chúng đến".

Vua lập tức dời thuyền hỏi thái sư Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ trả lời : "Đầu thần chưa rơi xuống đất, bệ hạ đừng lo gì khác". Âm mưu cướp thuyền của Triệt Đô thất bại, Ngột Lương nổi giận cho đòi Triệt Đô để trừng trị, Đô hoảng sợ uống thuốc độc tự vận, hôm sau (18-1-1258)

Vua cho phá sập cầu Phù Lỗ chặn đường tiến công của giặc, bọn giặc đi theo dọc bờ sông bắn tên xuống nước chỗ nào thấy tên không nổi thì biết chỗ sâu lựa theo đó mà vượt sông. Quân nhà Trần lui về hướng Thăng Long, quân địch đuổi theo.

Trước thế giặc mạnh đang tấn công ồ ạt lại rất hưng phấn, để bảo toàn lực lượng và tiêu hao dân sức lực và giảm ý chí chiến đấu của quân Nguyên, Vua quan nhà Trần vạch ra kế hoạch lẩn tránh đụng độ với địch, buộc chúng hành quân liên tục, cho chúng đánh vào chỗ không người quân ta rút về Thăng Long, rồi bỏ trống kinh đô, rút về sông Thiên Mạc, trong khi đó Linh từ quốc mẫu là vợ Trần Thủ Độ lại xuất đi tản, vợ con các tướng tá, nam phụ lão ấu cùng các cung tần mỹ nữ con cháu của vua ra khỏi thành Thăng Long, yểm trợ vũ khí thu được cùng quân lương góp phần cho cuộc chiến đấu của quân ta ở tiền phương. Mười hai ngày sau khi chiếm Động Bộ Đầu.

Đầu năm 24-12 Đinh Tỵ quân ta phản kích tấn công quân Nguyên sau khi chúng đã mệt mỏi hạ trại. Thế trận của giặc bị phá vỡ chạy tán loạn, trên đường tháo chạy chúng không còn hơi sức đâu mà cướp bóc phá phách, bằng mọi cách phải tìm đường thoát thân nhanh nhất nên dân ta mỉa mai chúng là "giặc Phật"..

Khi chạy ngang Quy Hóa bị Hà Bổng tập kích đánh cho một trận tơi bời, để giải thích sự thất bại nhục nhã này vua quân nhà Nguyên đổ lỗi là do khí hậu ất nhiệt của phương Nam và vì vừa thôn tính xong Vân Nam nên không tính đến chiếm Đại Việt.

Thực sự thì việc chiếm Đại Việt là một trong kế hoạch tấn công Nam Tống của quân Mông Cổ từ phía Nam lên mà Đại Việt và Chiêm Thành là bàn đạp cho mũi tấn công này.

Sự thất bại này đã làm khó khăn cho Mông Cổ khi thanh toán toàn bộ Trung Quốc. Quân Mông Cổ rút lui tan tác lo tìm đường thoát thân, bỏ cả khí giới, tán loạn hàng ngũ, không dám cướp bóc nên dân ta gọi chúng là "giặc Phật".

Trở về kinh đô sau ngày chiến thắng mừng một tháng giêng năm Mậu Ngọ (1258) vua ngự ở chính điện, định công phong tước : cho Lê Tần gọi Lê Phụ Trần làm ngự sử đại phu lại đem công chúa Chiêu Thánh (Lý Chiêu Hoàng – vợ của Thái Tông) gả cho và nói “Trẫm không có khanh thì đâu có ngày nay khanh hãy cố gắng để cùng được trọn vẹn về sau”. Ban cho Hà Bổng tước hầu.

Bấy giờ sứ Nguyên sang đòi lễ vật tể công hằng năm, đòi hỏi lung tung vua bèn sai Lê Phụ Trần và Chu Bác Lãm đi sứ sang Nguyên và định lệ cứ ba năm tiến cống một lần

Ngày 24 tháng 2 Mậu Ngọ (1258) vua Thái Tông nhường ngôi cho thái tử Hoảng lui về ở Bắc Cung - Thái tử lên ngôi hoàng đế là Trần Thánh Tông, đổi niên hiệu là Thiệu Long năm thứ 1, đại xá thiên hạ

TRẦN THÁNH TÔNG (1258-1278)

Tên húy là Hoảng con trưởng dòng đích của Thái Tông. Mẹ là Hiến Từ Thuận Thiên hoàng thái hậu Lý thị, nhân Thái Tông chiêm bao thấy thượng đế trao cho gương báu, hậu có mang. Năm Canh Tý Thiên Ứng chính Bình năm thứ 9, ngày 25 giờ Ngọ sinh, sau đó lập làm hoàng thái tử. Thái Tông băng liền lên ngôi báu, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm, thọ 51 tuổi, băng ở cung Nhân Thọ, táng ở Dụ Lăng. Vua trung hiếu, nhân thứ, tôn hiền trọng đạo, cha khai sáng trước, con kế thừa sau, cơ nghiệp nhà Trần được bền vững vậy ! Nhưng ưu du cõi tam muội, tìm dấu đạo nhất thừa thì không phải là phép trị nước hay của đế vương.

Mẹ Thánh Tông là Thuận Thiên chị của Lý Chiêu Hoàng là vợ của Trần Liễu. Trần Liễu là anh của Thái Tông còn gọi là Yên Sinh Vương hiệu Từ Thiệu Đại Vương là cha của Trần Hưng Đạo, Tuệ Tĩnh và Thiệu Cảm -

Thánh Tông lấy Thiệu Cảm làm vợ phong làm hoàng hậu sinh ra Trần Nhân Tôn.

Sau khi nhường ngôi cho con Thái Tông cùng coi chính sự với con, sự ra đời "hai vua" điều hành một nước có từ đó.

Thượng hoàng Trần Cảnh nghiên cứu về đạo Phật môn phái Thiền Tông cùng với Trúc Lâm, Túc Lự, Đại Đăng, Ứng Thuận, Thiên Phong. Thái Tông viết nhiều tác phẩm về đạo Phật như Thiền Tông Chỉ Nam, Kim Cương tam muội kinh Chú giải, Lục thì Sám hối khoa nghi, khóa hư lục, thi tập... Trong bài phổ thuyết sắc thân ông viết : "Nếu chưa đạt được Tâm Phật và Ý tổ thì trước hết hãy trì giới niệm kinh, đến khi đạt tới trình độ thì Phật cũng không, mà Tổ cũng không, thì cốt giới nào để trì, kinh nào cần để niệm... ? Lúc đó thì dù cư trú trong thế giới ảo sắc mà thật ra đã là cư trú trong thế giới chân sắc, ở trong phàm thân mà kỳ thực đã ở trong Pháp thân".

Thái Tông rất chú trọng đến sám hối vì cuộc đời của ông có quá nhiều đau khổ như đã lấy vợ của anh mình, giết tất cả quân lính của Trần Liễu khi Trần Liễu làm loạn...

Thánh Tông lên ngôi lúc 18 tuổi, ở ngôi 21 năm, nhường ngôi 13 năm chết lúc 51 tuổi vua trung hiếu nhân từ tôn lên, trọng đạo là một người kế thừa xuất sắc xây dựng nền tảng cho triều đại nhà Trần vững chắc về nhiều mặt như văn hóa, chính trị, kinh tế, pháp luật và quân đội.

Năm 1261 thi lại cho các viên chức hành chính về chữ viết và cách làm tính, lấy người nào đỗ cho làm việc ; về y tế thì cho thành lập các Ty thái y để chăm lo sức khỏe cho dân - đơn vị y tế thiết lập đầu tiên của nước ta bắt đầu có từ đó. Khảo thi

những người tinh thông nghề nghiệp bỏ vào các chức vụ, khuyến nông, lập phường, lập hội để nâng cao nghề nghiệp và sản xuất.

Năm 1262, Thượng hoàng ngự đến hành cung Tức Mặc, ban tiệc lớn. Các hương lão từ 60 tuổi trở lên mỗi người được ban tước hai tư (quan chức thời xưa mỗi cấp chia nhiều tư, đủ số tư nhất định thì thăng lên một cấp) còn đàn bà một vị được tặng hai tấm lụa

Tháng 8 năm Đinh Mão (1267) xuống chiếu định quân ngũ, mỗi quân 30 đô, mỗi đô 80 người, chọn người tôn thất giỏi võ nghệ, tinh binh pháp để chỉ huy

Năm 1268 vua nói Tôn thất rằng : " Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông phải cùng hưởng phú quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong ta và các khanh là bà con ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên, thì đó là phúc muôn năm của tông miếu xã tắc "

Đến đây xuống chiếu cho các vương hầu tôn thất, khi bái triều thì vào trong điện, lan đình. Vua cùng ăn uống với họ. Hôm nào trời tối không về được thì xếp gối dài, trải chăn rộng, kê giường liền cùng ngũ với nhau để tỏ hết lòng yêu quý nhau.

Còn như trong các lễ lớn ở triều hạ, tiếp tân, yến tiệc thì phân biệt rõ ngôi thứ, cấp bậc cao thấp. Vì thế, các vương hầu thời ấy không ai không hòa thuận, kính sợ và cũng không phạm lỗi khinh nhờn, kiêu căng.

Năm 1271 tháng 3 phong Chiêu Minh Đại Vương Quang Khải làm Tướng Quốc Thái Úy, nắm giữ việc nước.

Cũng năm ấy, Mông Cổ đặt quốc hiệu là Đại Nguyên, sai sứ sang dụ vua vào châu. Vua lấy cơ có bệnh từ chối không đi.

Năm 1272, tháng 10, xuống chiếu tìm người tài giỏi đạo đức, thông hiểu kinh sách làm tư nghiệp quốc tử giám.

Năm 1278, chọn người Nho học có đức hạnh trong thiên hạ để dạy Đông cung thái tử.

Năm 1275, mở khoa thi chọn học trò giỏi.

Năm 1266 và 1267 chọn vào làm Hàn Lâm Viện học sĩ. Theo chế độ cũ không phải là hoạn quan thì không làm hành khiển, chưa bao giờ dùng Nho sĩ.

Năm 1275, mở khoa thi chọn học trò giỏi.

Bắt đầu 1267 thì nước ta mới sử dụng Nho sĩ Văn Học được giữ quyền bính.

Năm 1272, Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu Lê Văn Hưu dâng sắc chỉ soạn xong bộ Đại Việt Sử Ký từ Triệu Vũ đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển dâng lên. Vua xuống chiếu khen ngợi, Bộ sử này được coi như bộ sử được in ấn đầu tiên của nước ta.

Năm Bính Dần 1266, xuống chiếu cho Vương hầu, Công chúa, Phò mã, cung tần chiêu tập dân phiêu tán không có sản nghiệp là nô tỳ để khai khẩn vùng bỏ hoang, lập điền trang - Vương hầu có thực ấp bắt đầu từ đó.

Năm 1262, xuống chiếu chế tạo vũ khí, quân thủy lục tập trận ở chính bãi phù sa sông Bạch Hạc, đóng thêm chiến thuyền chia quân lính thành từng đội ngũ có quân số rõ ràng.

Mùa thu tháng 8 năm 1267, định quân ngũ : mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người, như vậy quân số của một quân là 2.400. Cả nước gồm có Lục quân thì quân số chính quy của thời ấy là 144.000 người.

Tháng 4 năm 1272 sứ Mông Cổ là Nguyên Ngột Lương sang dụ hỏi giới hạn cột đồng cũ, Vua sai Viên ngoại lang Lê Kính Phu đi hội khám, Phu trở về nói rằng cột đồng Mã Viện đứng lâu năm đã mai một, không còn tung tích gì nữa.

Tháng 10 xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm Tư Nghiệp Quốc Tử Giám, tìm người có thể giảng bàn ý nghĩa của Tứ Thư, Ngũ Kinh sung vào hầu nơi vua đọc sách

Năm 1276, sai Đào Thế Quang sang Long Châu mượn cớ đi mua thuốc để thăm dò tình hình người Nguyên.

Năm Giáp Tuất 1274, người Tống sang quy phục đem theo 30 chiến thuyền chở đầy của cải, vợ con vượt biển đến. Những người này tự xưng là Hồi Kê. Vua cho ở tạm phường Nhai Tuân.

Năm 1261, Nhà Nguyên sai Lê Bộ Lang trung Mạnh Giáp đưa thư sang dụ, đại ý nói "Quan liêu sĩ thứ Đại Việt hãy làm ăn yên ổn như cũ". Vua cho Trần Phụng Công và Nguyễn Thám mang thư sang Nguyên thông hiếu.

Năm 1259, Linh Từ Quốc Mẫu chết. Linh từ quốc mẫu là Trần Thị Dung em ruột của Trần Thừa. Trần Thừa là cha của Trần Liễu và Trần Cảnh (vua Thái Tông). Trần Thị Dung lấy Huệ Tông, có 2 con là Thuận Thiên (vợ Trần Liễu sau là vợ Trần Cảnh), Lý Chiêu Hoàng (vợ Trần Cảnh sau là vợ Lê Phụ Trần) Thủ Độ giết Lý Huệ Tông và lấy Dung làm vợ, Dung là mẹ vợ của Trần Liễu và Trần Cảnh, là bà ngoại của Vua Thánh Tông và Trần Hưng Đạo vừa là bà cô, bà dì ruột của hai người này.

Thái sư Trần Thủ Độ chết năm 1264. thọ 71 tuổi

Thủ Độ tuy không có học vấn, nhưng có tài lược hơn người, làm quan dưới thời Nhà Lý được mọi người suy tôn Thái Tông lấy được thiên hạ đều nhờ mưu sức của ông, Vì thế ông được nhà nước trọng dụng, quyền át cả vua

Bấy giờ có kẻ đàn hặc ông, vào gặp Thái Tông khóc mà nói rằng : " Bệ hạ còn thơ ấu mà Thủ Độ quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao ? "

Thái Tông lập tức lệnh xe đến ngay dinh Thủ Độ, bắt cả người đàn hặc ấy đem theo và nói hết những lời của người ấy cho Thủ Độ biết. Thủ Độ trả lời : "Đúng như những lời hấn nói "

Rồi lấy ngay tiền lụa thưởng cho người ấy.

Linh Từ Quốc Mẫu (Vợ Trần Thủ Độ) có lần ngồi kiệu đi qua thềm cấm, bị quân hiệu ngăn lại không cho đi, về dinh khóc bảo Thủ Độ ; " Mụ này làm vợ ông mà bị quân hiệu khinh nhờn đến thế "

Thủ Độ tức giận sai đi bắt. Người quân hiệu ấy nghĩ rằng mình chắc phải chết. Khi đến nơi, Thủ Độ vắn hỏi trước mặt, người quân hiệu cứ theo như sự thật trả lời,

Thủ Độ nói : "Người ở chức thấp mà giữ được luật pháp, ta còn trách gì nữa. Lấy vàng lụa thưởng cho, rồi cho về

Thái Tông có lần muốn cho người anh của Thủ Độ là An Quốc làm Tể Tướng, Thủ Độ tâu : " An Quốc là anh thân, nếu cho là giỏi hơn thân thì thân xin về trí sĩ, nếu cho thân giỏi hơn An Quốc thì không thể cử An Quốc. Nếu anh em đều làm Tể tướng cả thì việc triều đình sẽ ra sao ? "

Vua bèn thôi

Thủ Độ tuy làm tể tướng nhưng mọi việc không việc gì là không để ý đến Vì thế đã giúp nên vương nghiệp và giữ được tiếng tốt cho đến lúc chết, nhưng cái tội giết Huệ Tông và thông dâm với Hoàng hậu thì thật...

Năm 1274, vua tự làm thơ để dạy hoàng tử và viết Di hậu lục 2 quyển. Bạn của vua là Tuệ Tĩnh thiền sư, Thánh Tông ký thác con mình là Trần Nhân Tông cho ông dạy dỗ.

Tháng 2 năm Đinh sửu (1277) vua thân chinh đi đánh ngườii Man, Lạo ở động Nấm Bà La bắt bộ đảng hơn 1000 người giải về

Thái Tông chết tạ thế ngày 1/4 Đinh Sửu (1277) tại cung Vạn thọ

Mùa xuân tháng 2 năm Mậu Dần (1278) dân chết nhiều vì bệnh đậu mùa, tháng 3 Lý Chiêu Hoàng qua đời thọ 61 tuổi

Tháng 10 ngày 22 Mậu Dần (1278) vua Thánh Tông nhường ngôi cho Hoàng Thái Tử Khâm, Khâm lên ngôi Hoàng đế là Trần Nhân Tông